

PHỤ LỤC SỐ 04
APPENDIX 04

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
ANNUAL REPORT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)
(Promulgated with the Circular No 155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 of the Ministry of Finance guiding the Information disclosure on securities markets)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN/ANNUAL REPORT
Công ty cổ phần Pin Hà Nội

Năm 2020

I. Thông tin chung/ General information

1. Thông tin khái quát/ General information

- Tên giao dịch/ *Trading name*: Công ty cổ phần Pin Hà Nội/Hanoi Battery Joint Stock Company
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/*Certificate of business registration No*: 0100100752
- Vốn điều lệ/ *Charter capital*: 72.539.110.000 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Owner's capital*: 72.539.110.000 VND
- Địa chỉ/*Address*: Số 72 đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội
- Số điện thoại/*Telephone*: 024- 3861 5365
- Số fax/*Fax*: 024- 3861 2549
- *Website*: www.habaco.com.vn
- Mã cổ phiếu /*Securities code*: PHN

Quá trình hình thành và phát triển/Incorporation and development process

- Quá trình hình thành và phát triển/ *Foundation and development process* (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/ *Date of incorporation, time of listing, and development milestones since the establishment until now*).

+ Việc thành lập: Được đầu tư xây dựng theo sự giúp đỡ của Trung Quốc năm 1958, chính thức đi vào hoạt động năm 1960 với các tên gọi lần lượt qua các thời kỳ như: Nhà máy pin Văn Điển; Xí nghiệp liên hiệp Pin Hà Nội, Công ty Pin Hà Nội; chuyên cung cấp các sản phẩm pin thông dụng phục vụ quốc phòng và dân sinh với nhãn hiệu “Con Thỏ”.

+ Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần: Công ty chuyển đổi thành Công ty cổ phần từ 01 tháng 01 năm 2004 theo quyết định số 207/QĐ-BCN ngày 03 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.

+ Tháng 3 năm 2011 phát hành cổ phiếu bán cho cổ đông hiện hữu và cổ đông chiến lược là Công ty TNHH Pin quốc tế GP Singapore (GPBI) thuộc Tập đoàn pin GP, qua đó nâng vốn Điều lệ từ 19.740.000.000 đồng lên 34.545.000.000 đồng.

+ Tháng 3 năm 2011 thành lập công ty con Công ty TNHH MTV Pin Hà Nội (Công ty cổ phần Pin Hà nội góp 100% vốn) tại N3 khu C khu Công nghiệp Hòa Mạc thị trấn Hòa Mạc huyện Duy Tiên Tỉnh Hà Nam. Mã số doanh nghiệp số: 0700524947 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Hà nam cấp ngày 11 tháng 3 năm 2011. Giấy chứng nhận đầu tư số 06221000118 do Ban Quản lý các khu Công nghiệp tỉnh Hà Nam cấp ngày 23 tháng 9 năm 2011.

+ Tháng 5 năm 2011 thành lập Chi nhánh Công ty CP Pin Hà Nội tại Thành phố Hồ Chí Minh Đăng ký kinh doanh số 0100100752-002 do Sở Kế Hoạch Đầu Tư TP Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 5 năm 2011 thay đổi lần 3 ngày 23 tháng 5 năm 2013.

+ Tháng 10 năm 2015 tăng vốn điều lệ từ việc chia cổ tức bằng cổ phiếu và từ Vốn chủ sở hữu lên 51.184.430.000 VND

+ Tháng 12 năm 2015 ký hợp đồng hợp tác liên doanh với Công ty TNHH Pin Quốc tế GP Singapore thành lập Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) tại Khu Công nghiệp Hòa Mạc Huyện Duy Tiên Tỉnh Hà Nam. Tổng vốn Điều lệ 90 tỷ Công ty cổ phần Pin Hà Nội góp 30% với Công ty TNHH Pin Quốc tế GP Singapore góp 70%.

+ Tháng 7 năm 2016 giải thể Công ty TNHH MTV Pin Hà Nội.

+ Tháng 12 năm 2017 tăng vốn điều lệ từ việc chia cổ tức bằng cổ phiếu và từ Vốn chủ sở hữu lên 72.539.110.000 VND.

+ Ngày 7 tháng 1 năm 2019 Sở GDCK Hà Nội ban hành Quyết định số: 20/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu Công ty Cổ phần Pin Hà Nội với mã CK: PHN.

+ Niêm yết: Ngày 13 tháng 3 năm 2019 Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Pin Hà Nội (Mã CK: PHN) chính thức khai trương phiên giao dịch đầu tiên tại Sàn GDCK Hà Nội theo Thông báo số 194/TB-SGDHN ngày 1 tháng 3 năm 2019.

+ Tháng 10 năm 2019: Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) tăng vốn Điều lệ từ 90 tỷ lên 275 tỷ 624 triệu đồng. Công ty CP Pin Hà Nội không góp vốn bổ sung do đó giảm tỷ lệ góp tại Công ty TNHH GP (Việt Nam) từ 30% xuống 9,8%.

+ Tháng 12 năm 2019, Tập đoàn Hóa chất Việt Nam thực hiện thoái vốn giảm tỷ lệ sở hữu nhà nước từ 21% xuống còn 2%.

+ Tháng 12 năm 2019 Công ty TNHH Pin Quốc tế GP Singapore mua lại 19% cổ phần của Tập đoàn Hóa chất Việt nam nâng tỷ lệ sở hữu từ 30% lên 49% (sở hữu nước ngoài).

Công ty hoạt động theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003444 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02/01/2004, đăng ký kinh doanh cấp lại lần 13 ngày 17/07/2020 với mã số Doanh nghiệp: 0100100752.

- Các sự kiện khác/*Other events*

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/*Lines and locations of the business:*

- Ngành nghề kinh doanh/*Lines of the business:* (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/*Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100752 cấp lần đầu ngày 2 tháng 1 năm 2004; sửa đổi lần thứ 13 ngày 17 tháng 07 năm 2020.

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất pin và ắc quy	2720 (chính)
2	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: bán buôn Pin các loại, nguyên liệu phục vụ sản xuất pin)	4669
3	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chỉ gồm có: Xuất nhập khẩu trực tiếp nguyên vật liệu, sản phẩm pin các loại và máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh.	8299
4	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chỉ gồm có: Cho thuê nhà xưởng, nhà làm việc, kho bãi	6810

- Địa bàn kinh doanh/*Location of business:* (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/*Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

- + Thị trường chính của Công ty là toàn bộ các tỉnh phía Bắc, Miền trung và Tây nguyên;
- + Năm 2011 Công ty đã thành lập Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh nhằm hướng tới việc tiêu thụ các sản phẩm cao cấp và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm tại các tỉnh phía Nam;
- + Công ty có sản lượng xuất khẩu ổn định sang thị trường Lào, Campuchia và thông qua Cổ đông chiến lược là Công ty TNHH Pin quốc tế GP Singapore đã và đang đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu sang các thị trường tiềm năng như Ấn độ, Đông Âu, Trung Á, Châu Phi, Nam Mỹ...

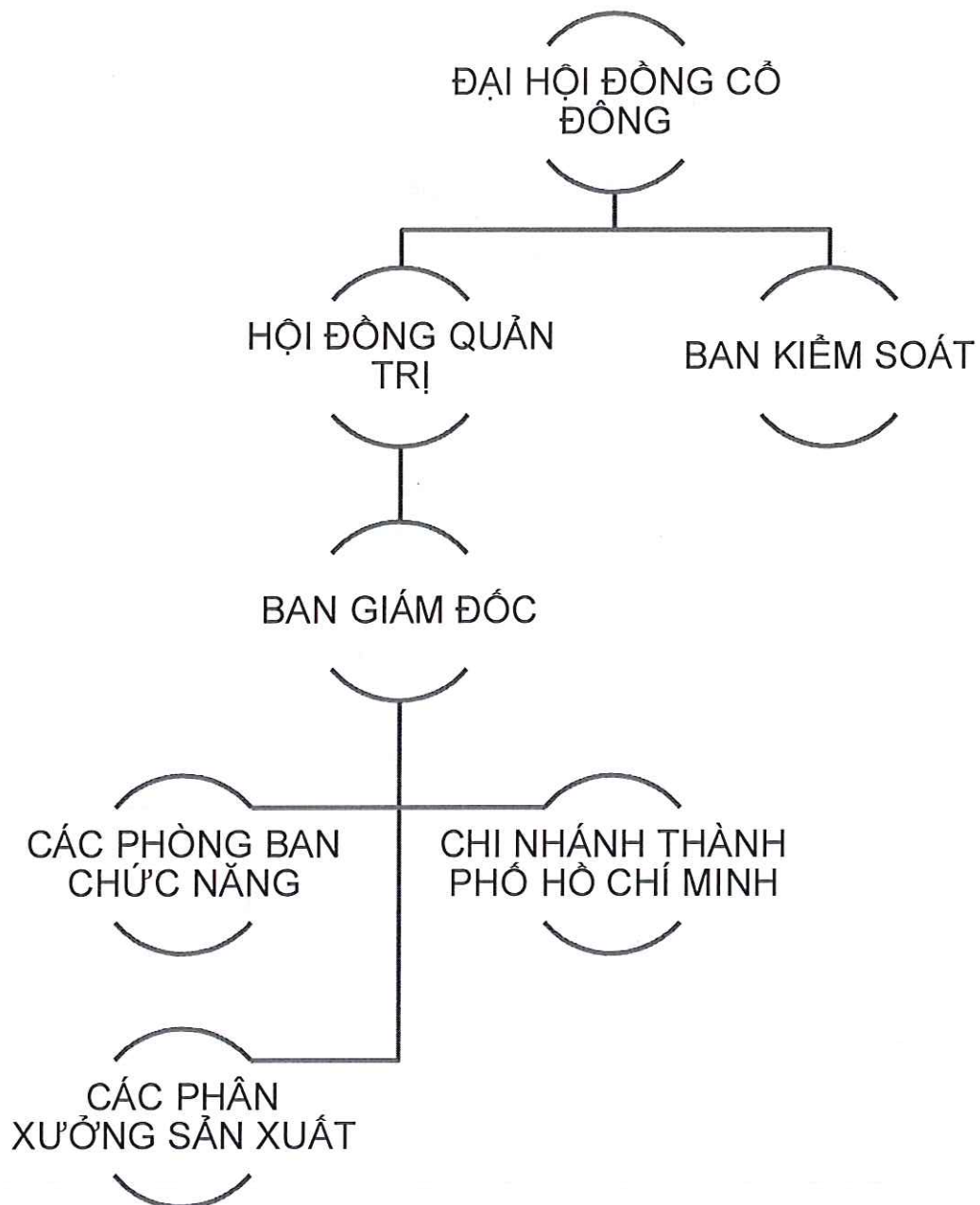
- + Công ty tái ký hợp đồng với GPBI để trở thành nhà phân phối độc quyền các sản phẩm pin nhãn hiệu GP tại thị trường Việt Nam từ tháng 9 năm 2019 sau một thời gian gián đoạn.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ Information about governance model, business organization and managerial apparatus

- Mô hình quản trị/ Governance model.

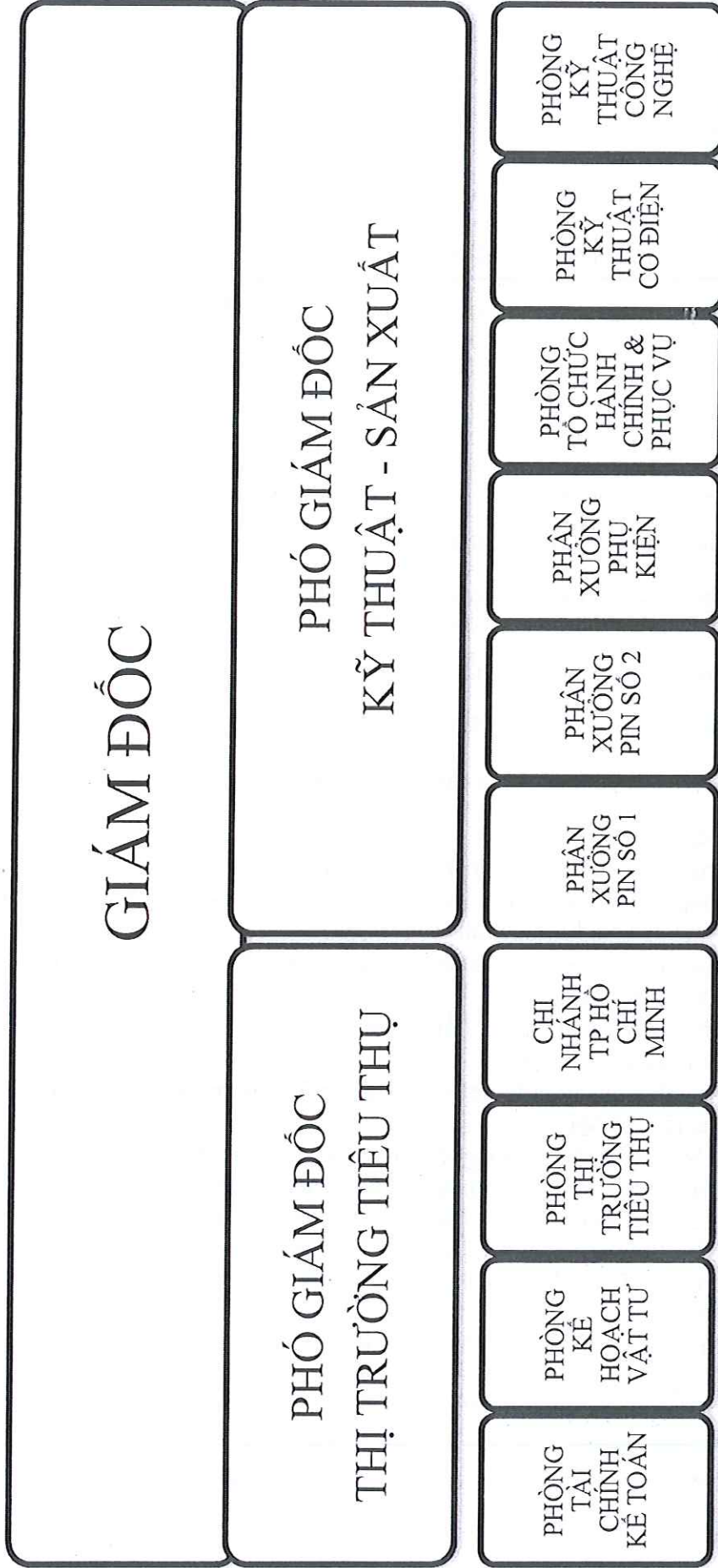
- + Mô hình quản trị.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI



+ Cơ cấu bộ máy quản lý.

- Cơ cấu bộ máy quản lý/ *Managementstructure*.



- Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*

+ *Chi nhánh Công ty Cổ phần Pin Hà Nội tại Thành phố Hồ Chí Minh:*

Mã số thuế 0100100752002

Địa chỉ: Số 369J An Dương Vương, P10, Q6 Tp Hồ Chí Minh

Chức năng nhiệm vụ: có chức năng giới thiệu quảng bá, tổ chức tiêu thụ sản phẩm của Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía nam.

Hình thức hạch toán: Chi nhánh có con dấu và tài khoản, hạch toán phụ thuộc và hoạt động theo sự điều hành của Công ty.

+ *Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam):*

Mã số thuế: 0700761514

Địa chỉ: Đường N3 Khu C Khu Công nghiệp Hòa Mạc Huyện Duy Tiên tỉnh Hà Nam

Vốn điều lệ: 275 tỷ 640 triệu đồng

Hình thức sở hữu: Công ty Cổ phần Pin Hà Nội nắm giữ 9,8% vốn. Công ty TNHH Pin Quốc tế Singapore nắm giữ 90,2% vốn.

Quan hệ sở hữu: Công ty liên kết.

4. *Định hướng phát triển/ Development orientations*

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/ *Main objectives of the Company.*

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Tập trung đầu tư cho sản phẩm pin carbon zinc để nâng cao chất lượng, nâng cao khả năng cạnh tranh so với sản phẩm cùng loại trong nước và sản phẩm nhập khẩu cùng loại về chất lượng, hình thức và giá cả.
- Đẩy mạnh nghiên cứu sản xuất các sản phẩm thân thiện với môi trường hướng tới phát triển bền vững.
- Đảm bảo hiệu quả và tuyệt đối an toàn vốn cho cổ đông, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.
- Đảm bảo hài hòa giữa lợi ích cổ đông, lợi ích người lao động, lợi ích Nhà nước và trách nhiệm xã hội.
- Từng bước thay đổi phương thức bán hàng để dần dần có được một hệ thống bán hàng riêng của công ty tiếp cận gần hơn đến người tiêu dùng thông qua hệ thống đại lý hiện có của công ty. Tiếp cận và triển khai các phương thức bán hàng mới, hiện đại, tìm biện pháp để kích cầu đến người tiêu dùng phù hợp với đặc thù của sản phẩm, giữ thị phần và tăng thị phần tiêu thụ trong nước, tăng cường xuất khẩu tiểu ngạch.
- Nỗ lực chủ động hoặc thông qua đối tác GPBI tìm kiếm thị trường xuất khẩu chính ngạch. Tiếp tục kiện toàn và hoàn thiện các quy trình trong quản lý, có kế hoạch đầu tư và tuyển dụng hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển đối với thị trường xuất khẩu.
- Phối hợp hiệu quả với đối tác GPBI triển khai quảng bá và thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm pin cao cấp (mà công ty chưa sản xuất) thương hiệu GP tại thị trường Việt Nam.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/ *Development strategies in medium and long term.*

Về sản lượng sản xuất và tiêu thụ: Phân đầu mỗi năm có tốc độ tăng trưởng 12%.

Về hiệu quả: Phân đầu tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn điều lệ lớn hơn 25%; Tỷ lệ chi trả cổ tức lớn hơn 15%.

Sản phẩm sản xuất đảm bảo tiêu chuẩn xuất khẩu IEC60086-2-2015 nghiên cứu đầu tư công nghệ sản xuất pin không chỉ đối với các sản phẩm chất lượng cao. Đánh giá thị trường trong nước và xuất khẩu để đầu tư sản phẩm mới, tạo bước phát triển đột phá cho công ty.

Chuẩn bị nguồn lực tài chính sẵn sàng di chuyển địa điểm sản xuất khi cần thiết.

Bám sát chủ trương của nhà nước cũng như quy hoạch của thành phố đối với diện tích đất hiện tại trên cơ sở đó xây dựng phương án chuyển đổi mục đích sử dụng đất với mục tiêu trong tâm là lựa chọn được đối tác phù hợp có khả năng thực hiện phương án đáp ứng được các yêu cầu: Có địa điểm xây dựng nhà máy mới thuận lợi và phù hợp với địa bàn hoạt động truyền thống của Công ty, đảm bảo tính ổn định về quy hoạch cho mục tiêu đầu tư dài hạn; Diện tích khu đất cho nhà máy mới đảm bảo đáp ứng quy mô sản lượng ít nhất gấp 2 lần quy mô hiện tại; Chi phí di dời tối thiểu trên cơ sở vận dụng tối đa chính sách hỗ trợ của Nhà nước và quy hoạch của Thành phố.

Đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật.

Đảm bảo an toàn tuyệt đối về vốn và tài sản của công ty.

Có lộ trình tăng vốn phù hợp với tốc độ tăng trưởng.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/*Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability*

Từ năm 2018 Công ty đã đầu tư thay đổi công nghệ nấu kềm bằng lò điện cảm ứng thay cho lò nấu dùng dầu DO để giảm thiểu tối đa phát thải khí, cải thiện môi trường làm việc cho người lao động. Cải tạo nâng cấp hệ thống xử lý nước thải đáp ứng yêu cầu ngày càng cao theo Quy chuẩn Việt Nam.

Năm 2020 Công ty đã xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO14001 và đã được Quacert đánh giá, cấp chứng nhận số MT 427.21.24 cho HTQLMT của Công ty. Trong năm Công ty cũng đã xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý trách nhiệm xã hội theo tiêu chuẩn châu Âu BSCI, đã được tổ chức chứng nhận Intertek của Anh đánh giá chứng nhận đạt yêu cầu.

Về dài hạn Công ty sẽ hướng tới chỉ sản xuất sản phẩm xanh đạt tiêu chuẩn “Nhãn xanh Việt Nam” và tiêu chuẩn sản phẩm xanh theo tiêu chuẩn Châu Âu và quốc tế. Ngoài ra Công ty sẽ nghiên cứu sản xuất đa dạng hóa thêm sản phẩm, đưa ra thị trường các loại sản phẩm có mức chất lượng cao hơn, đa dạng hơn để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.5. *Các rủi ro/ Risks:*

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm

theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

- Thị trường tiêu thụ nội địa : Luôn có sự cạnh tranh gay gắt giữa các công ty SX pin trong nước dẫn tới không ổn định sản lượng, giá bán và doanh thu bán hàng.
- Thị trường xuất khẩu: phụ thuộc vào các đơn hàng từ cổ đông chiến lược. Chịu áp lực cạnh tranh về giá, đòi hỏi về chất lượng và mẫu mã ngày càng đa dạng. Do vậy việc công ty phải đối mặt với việc tăng hoặc giảm các đơn hàng một cách bất thường là điều khó tránh khỏi.
- Thị trường nguyên vật liệu đầu vào: Chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm của Công ty nên giá cả nguyên liệu đầu vào có tác động trực tiếp đến hiệu quả SXKD của Công ty. Nguyên liệu kẽm thỏi (nguyên liệu có tỷ trọng lớn nhất trong giá thành sản phẩm) chịu ảnh hưởng trực tiếp từ biến động của thị trường kim loại màu thế giới với biên độ tăng giảm bất thường phụ thuộc vào nhiều yếu tố như chính sách vĩ mô của các nước công nghiệp phát triển, nguồn cung ứng nguyên liệu cho ngành công nghiệp luyện kim... Ngoài ra các chủng loại nguyên liệu khác bao gồm có nguồn gốc nhập khẩu cũng như nội địa cũng chịu những ảnh hưởng trực tiếp từ các chính sách về môi trường, về năng lượng, về thuế quan...

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.792.455.825	-	-	16.792.455.825
Phải thu khách hàng, phải thu khác	29.352.960.487	20.000.000	-	29.372.960.487
	46.145.416.312	20.000.000	-	46.165.416.312
Tại ngày 01/01/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.448.616.472	-	-	12.448.616.472
Phải thu khách hàng, phải thu khác	27.348.852.350	20.000.000	-	27.368.852.350
	39.797.468.822	20.000.000	-	39.817.468.822

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2020				
Phải trả người bán, phải trả khác	6.043.527.058	-	-	6.043.527.058
Chi phí phải trả	2.286.861.369	-	-	2.286.861.369
	8.330.388.427	-	-	8.330.388.427

Tại ngày 01/01/2020

Vay và nợ	19.775.714.440	-	-	19.775.714.440
Phải trả người bán, phải trả khác	7.351.278.736	-	-	7.351.278.736
Chi phí phải trả	2.225.160.834	-	-	2.225.160.834
	29.352.154.010	-	-	29.352.154.010

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

II. Tình hình hoạt động trong năm/ *Yearly Operations*

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Situation of production and business operations*

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ *Results of business operations in the year*: Nêu các kết quả đạt được trong năm.

I/ Sản xuất và tiêu thụ	Đơn vị	KH 2020 (HĐQT điều chỉnh ngày 17/9)	Thực tế		Tăng, giảm số lượng 2020/ 2019	Chênh lệch (%)	
			Năm 2020	Năm 2019		So với KH	So với 2019
<i>1/ Sản xuất</i>	1000 v	360.266	365.063	336.825	28.238	101,3%	108,4%
<i>2/ Tiêu thụ</i>	1000 v	360.266	365.437	333.629	31.808	101,4%	109,5%
<i>Tổng hợp tiêu thụ</i>							
<i>TS tiêu thụ Con thỏ + Kodak</i>	1000 v		242.890	243.375	-485		99,8%
<i>TS tiêu thụ XK GP</i>	1000 v		122.536	90.354	32.182		135,6%
3/ Doanh thu	Tỷ VND	340	357.404	341.993	15.411	105,12%	104,5%
4/ Lợi nhuận	Tỷ VND	45.330	49.331	26.300	23.031	108,8%	187,6%

Đánh giá:

Trong năm, do diễn biến phức tạp của dịch Covid nên HĐQT đã xem xét điều chỉnh kế hoạch SXKD, xác định mục tiêu mới phù hợp với tình hình thực tế.

Do vậy các chỉ tiêu cơ bản về hoạt động SXKD của Công ty về cơ bản hoàn thành và vượt kế hoạch đã được điều chỉnh.

Kết quả hoạt động SXKD của Công ty trong năm 2020 có thể coi là thành công, Công ty đã đạt được mục tiêu kép mà Chính phủ đề ra đó là vừa tuân thủ các giải pháp phòng chống dịch, đảm bảo an toàn trong sản xuất vừa thúc đẩy phát triển kinh tế.

2. Tổ chức và nhân sự/Organization and Human resource

- Danh sách Ban điều hành/ *List of the Board of Directors*: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/ *List, curriculum vitae and ownership percentage in voting shares and other securities issued by the Company of the General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers*).

- Ông Phạm Văn Nghĩa Chủ tịch HĐQT - Giám đốc

Năm sinh: 1961 Trình độ: Cử nhân kinh tế

Số cổ phần sở hữu: 364.350 Cổ Phần

Miễn nhiệm chức vụ Giám đốc ngày 30 tháng 6 năm 2020

- Ông Nguyễn Thanh Hùng Chức vụ UV HĐQT - Giám đốc

Bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2020

Năm sinh 1963 Trình độ Kỹ sư chế tạo máy; Kỹ sư quản trị kinh doanh

Số cổ phần sở hữu: 117.980 cổ phần

- Ông Nguyễn Cao Sơn : Chức vụ UV HĐQT - Phó Giám đốc

Năm sinh 1966 Trình độ Kỹ sư Điện hóa

Số cổ phần sở hữu: 7.723 cổ phần

- Ông Võ Khánh Toàn: Chức vụ UV HĐQT - Phó Giám đốc

Năm sinh 1973 Trình độ: cử nhân Quản trị kinh doanh

Số cổ phần sở hữu: 16.800 cổ phần

- Những thay đổi trong ban điều hành/ *Changes in the Board of Management*: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/(*List the changes in the Board of Management of the year*).

+ Miễn nhiệm chức vụ Giám đốc đối với ông Phạm Văn Nghĩa Chủ tịch HĐQT – Giám đốc Công ty từ ngày 30 tháng 6 năm 2020

+ Bổ nhiệm Ông Nguyễn Thanh Hùng UV HĐQT – Phó Giám đốc Công ty nắm giữ chức vụ Giám đốc Công ty từ ngày 1 tháng 7 năm 2020

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động./*Number of staffs. Summary and changes of the employee policies.*

- Lao động sử dụng bình quân: 287,5 người.

- Lao động nghỉ chế độ; chấm dứt hợp đồng lao động: 26 người

- Lao động tuyển dụng mới: 31 người

- Tổng chi phí cho người lao động (bao gồm tổng quỹ lương và Com ca): 41.156 trđ; Thu nhập bình quân xấp xỉ 12trđ/người/tháng tăng hơn 20% so với 2019.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/Investment activities, project implementation

a) Các khoản đầu tư lớn/ Major investments:

b) Các công ty con, công ty liên kết/ Subsidiaries, associated companies:

Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam):

Mã số thuế: 0700761514

Địa chỉ: Đường N3 Khu C Khu Công nghiệp Hòa Mạc Huyện Duy Tiên tỉnh Hà Nam

Vốn điều lệ: 275 tỷ 640 triệu đồng

Hình thức sở hữu: Công ty Cổ phần Pin Hà Nội nắm giữ 9,8% vốn. Công ty TNHH Pin Quốc tế Singapore nắm giữ 90,2% vốn.

Quan hệ sở hữu: Công ty liên kết.

Trong năm 2020 Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) đã đầu tư bổ sung tăng 50% năng lực sản xuất dòng sản phẩm Cz 9V. Năng lực đối với dòng sản phẩm R6 và R03 đã được phát huy gần như toàn bộ.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm tài chính 2020 (Kết thúc tại ngày 31/3/2021) ước tính:

+ Doanh thu: 350 tỷ đồng.

+ Tổng nguyên giá TSCĐ: 227 tỷ Khấu hao Lũy kế 43,6 tỷ

+ Lãi phát sinh: 5,9 tỷ

+ Lãi lũy kế: 92,3 tỷ

Nhận định:

Thuận lợi trong năm 2020: Với sự hỗ trợ của tập đoàn GP, nhiều đơn hàng được chuyển đến VNGP và sản lượng của VNGP tăng 1,5 lần so với năm 2019.

Khó khăn trong năm 2020: Các dây chuyền sản xuất pin 9V mới hoàn tất quá trình nghiệm thu do vậy chưa đạt đến quy mô sản lượng hòa vốn hoặc có lợi nhuận. Do vậy, kết quả năm 2020 mặc dù có tăng trưởng mạnh về doanh thu và sản lượng nhưng chưa phát sinh lợi nhuận.

Kế hoạch năm 2021:

+ Sản lượng: tăng 33% so với 2020.

+ Doanh thu: 530 tỷ đồng.

+ Lợi nhuận: 12 tỷ đồng.

+ Lãi lũy kế 80 tỷ

+ Nhân sự: Số lượng nhân viên hiện tại: 383 người trong nước và 21 người nước ngoài.

Nhận định:

Năm 2021, với những chứng chỉ quan trọng đã đạt được đáp ứng yêu cầu từ các thị trường khó tính như BIS đối với Ấn Độ, BSCI đối với Châu Âu, VNGP đã nhận được nhiều đơn hàng từ nhiều quốc gia trên thế giới với quy mô sản lượng ngày càng lớn. Cùng với việc từng bước nâng cao năng lực sản xuất, VNGP đang phát triển và triển khai tự động hóa trong các quy trình sản xuất,

giúp nâng cao sản lượng sản xuất góp phần hoàn thành kế hoạch doanh thu và lợi nhuận cho năm 2021.

4. Tình hình tài chính/ Financial situation

a) Tình hình tài chính/ Financial situation

- Các chỉ tiêu khác/ other figures: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/Major financial benchmarks:

Chỉ tiêu/ Benchmarks	Năm/Year 2020	Năm/Year 2019	Ghi chú/Note
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio + Hệ số thanh toán ngắn hạn/Current ratio: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (Short term Asset/Short term debt) + Hệ số thanh toán nhanh/Quick ratio: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn Short term Asset – Inventories Short term Debt	4,83 2,61	2,42 1,2	lần lần
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio + Hệ số Nợ/Tổng tài sản (Debt/Total assets ratio) + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (Debt/Owners' Equity ratio)	14,84 17,42	27,77 38,44	% %
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio + Vòng quay hàng tồn kho/ Inventory turnover: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (Cost of goods sold/Average inventory) Doanh thu thuần/Tổng tài sản (Net revenue/ Total Assets)	5,7 2,57	5,3 2.43	lần lần
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (profit after tax/ Net revenue Ratio) + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (profit after tax/ total capital Ratio) + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (profit after tax/ Total assets Ratio) + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (Operating profit/ Net revenue Ratio)	11,34 34,21 29,13 14,17	6,33 21,35 15,42 8.02	% % % %

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Shareholders structure, change in the owner's equity.*

a) Cổ phần/*Shares*:

Tổng số cổ phần: 7.253.911 cổ phần

Số lượng CP chuyển nhượng tự do: 7.253.911 cổ phần

Cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông/*Shareholders structure*:

Cổ đông pháp nhân: 5 tổ chức nắm giữ 3.704.252 cp tương ứng 51,07% tổng số cp

Trong đó

GP BATTERIES INTERNATIONAL LIMITED 3.554.233 CP tương ứng 49%

Tập đoàn hóa chất Việt Nam 144.533 CP tương ứng 2%

Công đoàn Công ty CP Pin Hà Nội 5.264 CP tương ứng 0,07%

CTCP Chứng khoán FPT 214 CP tương ứng 0,003%

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI 8 cp

Cổ đông thể nhân: 329 người sở hữu 3.549.659 CP tương ứng 48,93%

Trong đó 01 cổ đông lớn:

Ông Phạm Văn Nghĩa sở hữu: 364.350 CP tương ứng 5,023%

Ghi chú: Số liệu nêu trên căn cứ vào danh sách cổ đông chốt ngày 1 tháng 4 năm 2021.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Change in the owner's equity*:

Không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ *Transaction of treasury stocks*: **Không có**

e) Các chứng khoán khác/ *Other securities*: **Không có**

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ *Report related impact of the Company on the environment and society*

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/ *Management of raw materials*:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/ *The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.*

- Giá trị vật liệu chính dùng cho sản xuất Pin năm 2020: 170,5 tỷ đồng

- Giá trị vật liệu phụ dùng cho sản xuất Pin năm 2020: 19,2 tỷ đồng

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/ *The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.*

- Tổng số lượng kẽm được tái chế cho sản xuất Pin trong năm 2020: 12,85 tấn kg từ pin phế phẩm.

- Tổng số lượng bột cực dương được tái chế cho sản xuất Pin trong năm 2020: 17.920 kg từ Pin phế phẩm.

6.2. Tiêu thụ năng lượng/ *Energy consumption:*

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/ *Energy consumption - directly and indirectly.*

- Tổng tiêu thụ điện năm 2020: 2.328.300 Kw tăng 159.300 kw so với năm 2019 do năm 2020 sản lượng sản xuất tăng gần hơn 28 triệu sản phẩm so với 2019 tương đương 8,4%, ngoài ra Công ty cũng đã sản xuất 180 tấn kẽm đồng xu cho công ty VNGP cũng là một yếu tố làm tăng lượng điện tiêu thụ năm 2020.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/ *Energy savings through initiatives of efficiently using energy.*

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/ *The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.*

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ *Water consumption (water consumption of business activities in the year)*

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ *Water supply and amount of water used.*

- Nguồn nước được khai thác từ nước ngầm dưới đất, được xử lý qua giàn mưa, lọc để sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt tại Công ty và khu tập thể công nhân. Hệ thống này được sử dụng từ năm 1960 và đến 2020 vẫn đang phải hoạt động vì chưa có nguồn nước sạch của Thành phố cung cấp. Từ 2021 Công ty sẽ ngừng khai thác và chuyển sang sử dụng nước sạch do Viwaco cung cấp

- Tổng lượng nước sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt tại Công ty là 200 m³/ ngày.

- Tổng tiêu thụ nước trong năm 2020: 45.083 m³

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/ *Percentage and total volume of water recycled and reused.*

- Số nước tái sử dụng là 50 m³/ngày ở khâu nấu cán kẽm liên hoàn. Với 300 ngày sản xuất trong năm, lượng nước tái sử dụng chiếm tỷ lệ 25% tổng lượng nước sử dụng.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ *Compliance with the law on environmental protection:*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.*

- Trong năm công ty không có lần nào bị xử phạt do không tuân thủ Luật pháp về bảo vệ môi trường.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment.*

Không

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động/ *Policies related to employees*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ *Number of employees, average wages of workers.*

- Lao động sử dụng bình quân: 287,5 người.

- Tổng chi phí cho người lao động (Tiền lương và com CN): 41,1 tỷ đồng.

- Thu nhập bình quân từ nguồn có: 12 triệu đồng/ ng/ tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/ *Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*

- Tổng chi phí bồi dưỡng tại chỗ bằng hiện vật và chống nóng cho người lao động năm 2020: 281 triệu đồng

- Chi phí cho người lao động đi tham quan nghỉ mát năm 2020: 297 triệu đồng

c) Hoạt động đào tạo người lao động/ *Training employees*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/ *The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff.*

TT	Nội dung đào tạo	Số người	Số giờ	Tổng số giờ
1	Huấn luyện Phòng cháy chữa cháy	33	8	264
2	Thực tập thoát hiểm	50	4	200
3	AT-VSLĐ cho người sử dụng lao động (nhóm 1)	23	8	184
4	AT- VSLĐ cho cán bộ phụ trách ATLĐ (nhóm 2)	1	8	8
5	AT- VSLĐ cho công nhân vận hành thiết bị nghiêm ngặt (nhóm 3)	82	8	656
6	AT- VSLĐ cho người lao động (nhóm 4)	93	8	744
7	An toàn vệ sinh viên	23	8	184
8	Quy chế tiền lương	14	8	112
9	HD sử dụng kho vật tư	10	8	80
10	HD sử dụng vật sắc nhọn	8	8	64
11	Kiểm soát thiết bị dụng cụ đo	10	8	80
12	HD công việc công đoạn pin đơn, thành phẩm	7	8	56
13	HD chọn đồng xu	35	8	280
14	Kiểm soát tài liệu, sản xuất, đánh giá nội bộ	12	8	96
15	Quản lý bảo dưỡng thiết bị	2	8	16

16	Đào tạo các yêu cầu trong SX pin R6, R03	36	8	288
17	Đào tạo nhận thức SA-8000	17	8	136
18	Tập huấn nghiệp vụ	15	16	112
19	Đào tạo chuyên gia đánh giá nội bộ HTQLMT	12	8	96
20	Đào tạo áp dụng các quy trình hướng dẫn hệ thống BSCI	14	8	112
21	HD áp dụng HTQLMT	23	8	184
22	ĐT soạn thảo tài liệu HTQLMT	8	8	64
23	ĐT nhận thức hệ thống trách nhiệm xã hội BSCI	19	8	152
24	ĐT nhận thức ISO 14001:2005	22	8	176
	Tổng	559		4.472

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/ *The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*

+ Nội dung đào tạo gồm đào tạo làm việc theo hướng dẫn, đào tạo nội qui lao động, qui chế công ty, phương pháp kiểm tra chất lượng sản phẩm, hướng dẫn ghi biểu mẫu, hướng dẫn thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng máy móc thiết bị, nhận thức về ISO9001:2015; ISO14001:2015; Hệ thống Trách nhiệm xã hội BSCI, SA-8000, Hệ thống đánh giá nội bộ. Đào tạo về vệ sinh, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, cứu nạn ứng phó sự cố... Ngoài ra Công ty thường xuyên cử cán bộ nhân viên nghiệp vụ tham gia các lớp tập huấn về chế độ chính sách mới. Các lớp bồi dưỡng về kỹ năng bán hàng, marketing, phát triển thị trường cũng được công ty quan tâm tổ chức.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ *Report on responsibility for local community.*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/ *The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

- Công ty tích cực tham gia ủng hộ các hoạt động hỗ trợ của địa phương nơi Công ty đặt trụ sở

- Tổng số tiền tham gia các quỹ xã hội từ thiện trong năm 2020: 69.350.000 đồng

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/ *Green capital market activities under the guidance of the SSC.*

Không

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ *Report and assessment of the Board of Management*
(Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/*the Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company*)

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Situation of production and business operations*

I/ Sản xuất và tiêu thụ	Đơn vị	KH 2020 (HQQT điều chỉnh ngày 17/9)	Thực tế		Tăng, giảm số lượng 2020/ 2019	Chênh lệch (%)	
			Năm 2020	Năm 2019		So với KH	So với 2019
<i>1/ Sản xuất</i>	1000 v	360.266	365.063	336.825	28.238	101,3%	108,4%
<i>2/ Tiêu thụ</i>	1000 v	360.266	365.437	333.629	31.808	101,4%	109,5%
<i>Tổng hợp tiêu thụ</i>							
<i>TS tiêu thụ Con thỏ + Kodak</i>	1000 v		242.890	243.375	-485		99,8%
<i>TS tiêu thụ XK GP</i>	1000 v		122.536	90.354	32.182		135,6%
3/ Doanh thu	Tỷ VND	340.000	357.404	341.993	15.411	105,1%	104,5%
4/ Lợi nhuận	Tỷ VND	45.330	49.331	26.300	23.031	108,8%	187,6%

Đánh giá:

1.1 Kết quả tiêu thụ: năm 2020 có những nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan như sau:

- Nguyên nhân Khách quan:

+ Pin R20 tiếp tục đà suy giảm do xu thế tiêu dùng đối với loại sản phẩm này giảm.

+ Dịch Covid diễn biến phức tạp dẫn đến phải áp dụng các biện pháp cách ly xã hội, hạn chế hoặc tạm ngừng các hoạt động lễ hội, giải trí... cục bộ hoặc trên diện rộng gây ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu dùng nói chung và sản phẩm pin nói riêng.

+ Việc tăng cường kiểm soát giao thương tiểu ngạch để chống dịch góp phần quan trọng vào việc hạn chế hàng lậu, hàng giả, hàng nhái thâm nhập vào thị trường trong nước đã phần nào tác động tích cực đến kết quả tiêu thụ nội địa đặc biệt là đối với sản phẩm R03.

- Nguyên nhân Chủ quan:

+ Ban Giám đốc dưới sự chỉ đạo của HĐQT đã có những giải pháp sử dụng nguồn lực chi phí bán hàng một cách linh hoạt, chủ động nhằm từng bước khắc phục được những bất cập trong áp dụng chính sách bán hàng. Tổng chi phí bán hàng trong năm không vượt quá hạn mức HĐQT giao và thấp hơn chi phí bán hàng đã được kế hoạch hóa trong PA SXKD 2020 được đại hội đồng cổ đông thông qua.

+ Công tác thị trường và hỗ trợ bán hàng được triển khai tích cực phù hợp với diễn biến từ giai đoạn, từng thời điểm, từng địa bàn trong bối cảnh thực hiện chủ trương vừa phòng dịch vừa phát triển kinh tế của Chính phủ.

+ Việc thu thập thông tin thị trường đặc biệt là thị trường Lào – Campuchia đôi khi còn bị động, xử lý thông tin còn chưa chính xác, kịp thời cũng tác động tiêu cực đến kết quả tiêu thụ chung, đặc biệt là chưa xác lập được biện pháp cũng như phương án đảm bảo an toàn đối với tiền và hàng tại thị trường trung, nam Lào.

1.2 Chỉ tiêu doanh thu:

Tổng doanh thu đạt: 357,404 tỷ đồng, tăng 1,8 tỷ đồng so với mục tiêu, tăng 17,404 tỷ đồng so với kế hoạch điều chỉnh và tăng 15,411 tỷ đồng so với năm 2019 chủ yếu là do tăng sản lượng. Trong đó: Doanh thu tiêu thụ Pin xuất khẩu tại chỗ đạt: 59.223 USD và doanh thu tiêu thụ Pin xuất khẩu qua GP đạt hơn 3,1 triệu USD, tăng hơn 620 ngàn USD so với năm 2019 do sản lượng xuất khẩu tăng.

1.3 Về chỉ tiêu Hiệu quả:

Mục tiêu năm 2020 đề ra là 39,600 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, Kế hoạch điều chỉnh là 45,33 tỷ đồng

Kết quả năm 2020 đạt 49,331 tỷ đồng, tăng 9,731 tỷ đồng so với mục tiêu và tăng 4 tỷ đồng so với kế hoạch điều chỉnh. Tăng 23,031 tỷ đồng so với năm 2019, tương đương 87,5%.

Nguyên nhân chủ yếu là do giá Kẽm và giá Mangan điện giải giảm làm giảm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp đồng thời sản lượng tăng góp phần làm giảm chi phí cố định phân bổ trên một đơn vị sản phẩm cũng góp phần làm giảm giá thành sản xuất và tăng lợi nhuận.

1.4 Về đầu tư:

Đã hoàn thành các hạng mục đầu tư theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, bao gồm: 01 Máy dập ống kẽm R20, 02 máy dập ống kẽm R6/R03 và 01 máy ép vỉ bán tự động có thể ép được nhiều loại mẫu mã sản phẩm khác nhau đáp ứng được yêu cầu của khách hàng. Các thiết bị mới đầu tư đã đưa vào sản xuất và phát huy hiệu quả ngay trong năm 2020.

Dự án sản xuất Pin R25 xuất đi Châu Âu, cho đến nay vẫn đang dừng ở bước đàm phán về giá, mức chất lượng, chưa có bất cứ thông tin gì thêm từ phía khách hàng. Nên không thực hiện đầu tư theo NQ ĐHĐCD năm 2020.

Vấn đề thuê đất đến nay vẫn chưa hoàn thành đối với khu đất tại số 72 đường Phan Trọng Tuệ về thời hạn thuê và chưa tìm được đối tác cũng như cơ sở để chuyển đổi mục đích sử dụng đất, từ đó chưa có được phương án di dời địa điểm sản xuất.

2. Tình hình tài chính/ Financial Situation

a) Tình hình tài sản/ Assets

TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	110.712.591	143.726.781
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.681.743.234	10.304.889.691
Các khoản tương đương tiền	8.000.000.000	2.000.000.000
	<u>16.792.455.825</u>	<u>12.448.616.472</u>

Tại ngày 31/12/2020, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 02 tháng có giá trị 8.000.000.000 đồng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,0%/năm đến 4,0%/năm.

PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
GPI International Limited	11.623.454.530	-	8.631.039.992	-
Keo Sivanthong	1.717.291.240	-	730.055.400	-
Công Ty TNHH MTV Thương mại Xuất - Nhập khẩu hàng hóa Lào Việt	1.512.898.560	-	443.639.040	-
Phải thu khách hàng khác	13.332.181.935	(344.969.538)	16.744.548.129	(276.614.539)
	<u>28.185.826.265</u>	<u>(344.969.538)</u>	<u>26.549.282.561</u>	<u>(276.614.539)</u>
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	<u>11.625.150.037</u>	<u>-</u>	<u>11.803.761.130</u>	<u>-</u>

TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Hán Đô Nghi Quảng Tây	3.177.846.374	-	2.840.212.350	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thương mại Văn Nguyên Bằng Trường Trung Quốc	1.991.255.040	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	318.807.788	-	1.625.555.001	-
	5.487.909.202	-	4.465.767.351	-

NỢ XẤU

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH Thương mại Quốc tế & Dịch vụ Siêu thị BigC Thăng Long	-	-	45.608.502	-
- Cửa hàng 58 Trần Phú Hải Phòng	-	-	40.057.552	-
- Công ty Thương mại Dịch vụ Hải Dương	51.540.380	-	-	-
- Mai Ngọc Hoà	31.160.789	-	-	-
- Các khoản khác	275.188.510	12.920.141	219.315.878	28.367.393
	357.889.679	12.920.141	304.981.932	28.367.393

HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	34.903.514.332	(243.193.200)	38.463.206.777	-
Công cụ, dụng cụ	92.353.173	-	87.311.063	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.483.243.710	-	2.108.224.869	-
Thành phẩm	5.414.432.725	-	5.170.668.405	-
Hàng hoá	1.625.130.253	-	1.638.812	-
Hàng gửi đi bán	193.817.716	-	52.956.228	-
	<u>44.712.491.909</u>	<u>(243.193.200)</u>	<u>45.884.006.154</u>	<u>-</u>

CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.541.659	112.170.923
Chi phí mua bảo hiểm	17.956.471	18.989.562
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	55.000.000	70.454.545
	<u>74.498.130</u>	<u>201.615.030</u>

TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	12.087.131.167	55.523.865.972	6.219.358.231	438.570.252	74.268.925.622
- Mua trong năm	-	2.252.172.338	415.000.000	-	2.667.172.338
Số dư cuối năm	12.087.131.167	57.776.038.310	6.634.358.231	438.570.252	76.936.097.960
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	12.087.131.167	35.315.921.716	4.350.901.115	206.996.967	51.960.950.965
- Khấu hao trong năm	-	5.643.329.932	449.563.501	49.226.654	6.142.120.087
Số dư cuối năm	12.087.131.167	40.959.251.648	4.800.464.616	256.223.621	58.103.071.052
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	-	20.207.944.256	1.868.457.116	231.573.285	22.307.974.657
Tại ngày cuối năm	-	16.816.786.662	1.833.893.615	182.346.631	18.833.026.908

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 36.702.849.359 đồng.

TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán đã hết khấu hao nhưng vẫn còn đang sử dụng với nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế tại thời điểm 31/12/2020 là 40.000.000 đồng.



b) Tình hình nợ phải trả/ *Liabilities*

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts.*

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/ *Analysis of outstanding debts, impact of the exchange rate changes on operating results of the company, and the cost of borrowing to the company's results.*

PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	trả nợ
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty TNHH Hoá công Quế Lưu Quảng Tây Trung Quốc	1.693.994.400	1.693.994.400	1.953.266.400	1.953.266.400
Công ty TNHH Hoá chất Ngọc Việt	708.861.245	708.861.245	608.557.327	608.557.327
Chi nhánh Công ty TNHH Toyota Tsusho Việt Nam tại TP Hồ Chí Mình	921.492.000	921.492.000	-	-
Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)	1.222.745.992	1.222.745.992	-	-
Phải trả các đối tượng khác	1.153.905.996	1.153.905.996	2.844.304.049	2.844.304.049
	5.700.999.633	5.700.999.633	5.406.127.776	5.406.127.776
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan				
	1.222.745.992	1.222.745.992	-	-

NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Đặng Thị Hồng	670.000.000	2.089.555
Người mua khác trả tiền trước	22.656.517	20.568.513
	692.656.517	22.658.068

CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	-	28.047.911
- Chiết khấu thanh toán, chiết khấu thương mại	1.760.085.458	2.139.627.925
- Chi phí phải trả khác	526.775.911	57.484.998
	<u>2.286.861.369</u>	<u>2.225.160.834</u>

PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	96.781.170	34.570.993
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	35.000.000	1.776.480.246
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	49.741.500	23.955.000
- Quỹ xã hội	91.764.751	60.593.350
- Phải trả phụ cấp HĐQT không tham gia điều hành	69.000.000	45.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	240.004	4.551.371
	<u>342.527.425</u>	<u>1.945.150.960</u>

0100
CÔ
CÔ
'IN
NH 1

THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	939.156.575	10.809.094.180	10.618.054.177	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	453.063.334	-	413.074.634	358.380.201	398.368.901
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.543.351.969	10.052.890.412	8.743.351.969	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	303.976.146	911.219.842	870.067.068	-
Thuế Tài nguyên	-	2.468.800	22.447.200	23.172.800	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	3.199.509.044	3.199.509.044	-
Các loại thuế khác	8.010.900	-	4.000.000	4.000.000	8.010.900
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	24.158.127	48.122.300	44.387.792	-
	461.074.234	2.813.111.617	25.460.357.612	23.860.923.051	406.379.801

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo n) nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ Improvements in organizational structure, policies, management.

- + Về cơ cấu tổ chức, Công ty đã xây dựng và tiếp tục hoàn thiện mô hình công ty cổ phần với mục tiêu đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và các yêu cầu quản trị doanh nghiệp đối với công ty niêm yết. Trong năm Công ty đã kiện toàn lại các vị trí lãnh đạo theo đó đã bổ nhiệm Giám đốc mới, Giám đốc không kiêm nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT.
- + Về công nghệ và quản lý chất lượng:
Hệ thống quản lý chất lượng vẫn được duy trì và thường xuyên được kiểm toán đánh giá nội bộ, qua kiểm toán nội bộ đã chỉ ra những điểm không phù hợp, lỗi của cán bộ quản lý có, của Công nhân cũng có mà chủ yếu là cán bộ, công nhân không thực hiện nghiêm túc công việc theo hướng dẫn.
Trong năm 2020, Công ty đã sản xuất nhiều lô pin R6 xuất khẩu theo tiêu chuẩn IEC60086-2:2015 (đường kính pin $\geq 13,7$ mm) và đều đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn và yêu cầu của khách hàng.
- + Về vấn đề môi trường:
Công ty luôn duy trì công tác bảo vệ môi trường theo yêu cầu của pháp luật, không để vi phạm tới mức bị xử lý. Trong năm đã có 2 đoàn làm việc của các bộ ngành liên quan lĩnh vực bảo vệ môi trường gồm Phòng cảnh sát môi trường thành phố Hà Nội, đoàn thanh tra liên ngành của sở NN-PTNT, cảnh sát môi trường, UBND huyện Thanh Trì.
Trong năm Công ty đã xúc tiến việc triển khai hệ thống quản lý môi trường ISO14001 và dự kiến sẽ được nhận chứng chỉ trong Quý I năm 2021.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ Development plans in the future

- Phối hợp chặt chẽ Tập đoàn Pin quốc tế GP từng bước củng cố và phát triển công ty trở thành nhà sản xuất pin Măng gan kẽm hàng đầu trong khu vực.
- Tận dụng tối đa lợi thế từ các Hiệp định Thương mại mà Việt Nam đã ký kết không ngừng nâng cao tỷ trọng doanh thu xuất khẩu.
- Xây dựng chiến lược sản phẩm, từng bước tiếp cận và phát triển các phân khúc sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, thân thiện với môi trường, có giá trị gia tăng nhằm đến mục tiêu phát triển bền vững.

Một số chỉ tiêu cơ bản cho kế hoạch 2021 được HĐQT thông qua tại phiên họp tháng 3 năm 2021

Tổng sản lượng sản xuất và tiêu thụ phần đầu 358,7 triệu viên pin các loại tăng 25 triệu viên so với thực hiện năm 2019

Doanh thu: 351 tỷ đồng (Doanh thu thuần từ tiêu thụ Pin).

Lợi nhuận: >34,5 tỷ;

Cổ tức: phần đầu 25%.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có): **Không**

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/
Assessment Report related to environmental and social responsibility of company

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/
Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...).

- Nguồn nước được khai thác từ nước ngầm dưới đất, được xử lý qua giàn mưa, lọc để sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt tại Công ty và khu tập thể công nhân. Hệ thống này được sử dụng từ năm 1960 và đến 2020 vẫn đang phải hoạt động vì chưa có nguồn nước sạch của Thành phố cung cấp. Từ 2021 Công ty sẽ ngừng khai thác và chuyển sang sử dụng nước sạch do Viwaco cung cấp

- Tổng lượng nước sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt tại Công ty là 200 m³/ ngày.

- Tổng tiêu thụ nước trong năm 2020: 45.083 m³

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/ *Review concerning the problems of workers*

Công ty đã xây dựng được quy chế tiền lương hợp lý được Hội nghị Người Lao động hàng năm thông qua. Qua đó vấn đề việc làm và thu nhập của người lao động được đảm bảo. Thu nhập bình quân năm 2020 của Người lao động đạt xấp xỉ 12 trđ/ng/tháng tăng hơn 20% so với năm 2019.

Các chính sách đãi ngộ đối với người lao động, điều kiện làm việc được đảm bảo. Nhờ vậy người lao động trong Công ty có tâm lý yên tâm làm việc gắn bó với Công ty.

Hoạt động của tổ chức Công đoàn cũng được vận hành đúng quy định, đảm bảo quyền lợi cho người lao động qua đó không để xảy ra hiện tượng mâu thuẫn, xung đột lợi ích giữa người lao động và người sử dụng lao động

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/
Review concerning corporate responsibility towards the local community

Công ty hoạt động tại địa phương với thời gian hơn 60 năm luôn được chính quyền địa phương đánh giá cao về trách nhiệm cộng đồng. Một số lượng không nhỏ CBCNV của Công ty hiện còn đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu tại Khu tập thể Công ty cũng được Công ty quan tâm về điều kiện sinh hoạt thông qua các công trình phúc lợi như nhà Văn Hóa, Sân chơi tập thể .v.v. hoặc thăm hỏi quà tết hàng năm.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/*Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies)*

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ *Assessments of the Board of Management on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.*

1.1 Về mục tiêu sản lượng, doanh thu và lợi nhuận:

- Sản lượng tiêu thụ đạt 365,4 triệu viên pin các loại trong đó:

Sản phẩm Product	Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch (%)		Tỷ lệ TH 2020/TH 2019 (%)	
	Nội địa Domestic	Xuất khẩu Export	Nội địa Domestic	Xuất khẩu Export
R03	104,6%	104,5%	118,4%	150,6%
R6	99,7%	80,1%	97,2%	33,6%
R20	98,6%		92,6%	
Tổng/Total	101,4%		109,5%	

HDQT ghi nhận kết quả tiêu thụ, doanh thu và lợi nhuận thực hiện năm 2020 là khá tích cực trong bối cảnh diễn biến phức tạp của dịch Covid – 19 đem lại nhiều tác động cả thuận lợi lẫn khó khăn cho hoạt động SXKD của Công ty.

Tuy nhiên HDQT tại các phiên họp thường kỳ đã chỉ ra những bất cập trong điều hành mà Ban Giám đốc cần nghiêm túc chấn chỉnh nhằm phát huy hơn nữa những lợi thế của Công ty đồng thời hạn chế tối đa những rủi ro tiềm ẩn đang có nguy cơ phát sinh gây ảnh hưởng đến hiệu quả SXKD của Công ty.

1.2 Về đầu tư:

- Hoàn thành đầu tư và đưa vào khai thác 01 máy dập ống kẽm R20, 02 máy dập ống kẽm R03, máy ép vỉ bán tự động và hệ thống báo cháy tự động và 01 xe nâng hàng phục vụ sản xuất. Chi tiết các khoản đầu tư như sau:

Stt	Mã tài sản	Tên tài sản	Ngày tăng	Nguyên giá
	L02	Máy móc, thiết bị		2.252.172.338
1	TSCD965	Hệ thống phòng cháy chữa cháy	01/04/2020	215.913.000
2	TSCD966	Máy ép vỉ bán tự động	01/10/2020	283.309.747
3	TSCD967	Máy dập ống kẽm nằm JC88-200T	01/10/2020	933.078.061
4	TSCD968	Máy dập ống kẽm nằm JC88-60T số 1	01/10/2020	409.935.765
5	TSCD969	Máy dập ống kẽm nằm JC88-60T số 2	01/10/2020	409.935.765
	L03	Phương tiện vận tải		415.000.000
6	TSCD970	Xe nâng dầu 2.5T-MGA Forklift	01/10/2020	415.000.000
		Tổng cộng:		2.667.172.338

HDQT đánh giá các khoản đầu tư nêu trên là cần thiết và phù hợp với nhu cầu của Công ty. Các khoản đầu tư cũng đã phát huy được hiệu quả góp phần bình ổn sản xuất, từng bước nâng cao năng suất lao động và đảm bảo an toàn cho hoạt động của Công ty.

Việc đầu tư vào các dự án như pin không chì, Pin R25 ghi nhận theo báo cáo của Giám đốc về kết quả đầu tư 2020.

1.3 Vấn đề niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán: Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội từ tháng 3 năm 2019. Sau gần 2 năm niêm yết, giá cổ phiếu của Công ty đã tăng hơn 2,4 lần so với giá chào sàn ngày 13 tháng 3 năm 2019. Tuy nhiên do số lượng cổ phiếu đã niêm yết của công ty không nhiều (7,2 triệu) trong đó 49%

được nắm giữ bởi cổ đông chiến lược là tập đoàn GP, mặt khác một tỷ trọng không nhỏ số cổ phiếu được nắm giữ bởi CBCNV của Công ty và chưa đăng ký giao dịch nên lượng cổ phiếu giao dịch thực tế còn khá thấp.

Trong năm Công ty không bị UBCKNN hoặc Sở GDCK Hà Nội nhắc nhở hay xử phạt hành chính vì vi phạm các quy định đối với công ty niêm yết.

1.4 Công tác cán bộ: Việc kiện toàn tách chức danh Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc đã được công ty khẩn trương nghiêm túc triển khai và hoàn tất từ ngày 1 tháng 7 năm 2020. Công ty đang tiếp tục kiện toàn cơ cấu HĐQT để đảm bảo đáp ứng yêu cầu mới và sẽ trình Đại Hội đồng cổ đông 2021 quyết định.

1.5 Về lao động và việc làm: Việc làm và thu nhập cho người lao động được đảm bảo và duy trì ở mức khá cao so với mặt bằng chung tại địa phương. Thu nhập bình quân của CBCNV năm 2020 tăng hơn 20% so với năm 2019. Đội ngũ công nhân viên lao động có tay nghề, kỹ năng tốt đủ năng lực đáp ứng được yêu cầu phát triển của Công ty.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance

- Các phiên họp của HĐQT đều tiến hành kiểm điểm đánh giá tình hình thực hiện điều lệ công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông cũng như các Nghị quyết của HĐQT và các quyết định của HĐQT đối với Ban giám đốc và đã ghi nhận ban giám đốc đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ công ty, thực hiện đúng các nghị quyết của HĐQT và chấp hành đúng pháp luật hiện hành; Chủ động điều hành trong phạm vi quyền hạn để đảm bảo hiệu quả cao nhất cho công ty, những vấn đề vượt quá thẩm quyền đều xin ý kiến HĐQT để HĐQT quyết định;
- HĐQT đã chỉ ra những hạn chế, rủi ro trong điều hành hoạt động SXKD và đề ra các giải pháp nhằm hạn chế các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình điều hành.
- HĐQT cũng đã thống nhất lộ trình đánh giá, chuyển giao và bổ nhiệm một số chức danh lãnh đạo và quản lý trong công ty đồng thời điều chỉnh quy hoạch cán bộ cho phù hợp với tình hình mới.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ Plans, orientations of the Board of Directors

- Bám sát nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 trong hoạt động quản trị doanh nghiệp. Quyết tâm thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.
- Chủ động bố trí nhân sự bám sát diễn biến giao dịch cổ phiếu của Công ty trên sàn giao dịch chứng khoán nhằm phản ứng kịp thời và có hiệu quả nhất nhằm đảm bảo lợi ích cho Công ty và cổ đông.
- Tăng cường công tác giám sát đối với Giám đốc và BGD cũng như các cán bộ quản lý khác để có biện pháp giải quyết tích cực và kịp thời. Ban hành các nghị quyết, quy chế quản lý công ty

phù hợp nhằm phát huy tính chủ động sáng tạo của Ban giám đốc, đồng thời đảm bảo an toàn vốn cho công ty cũng như có hiệu quả cao nhất.

- Triển khai một cách đồng bộ và quyết liệt những giải pháp nhằm khắc phục một cách hiệu quả và triệt để những tồn tại trong quản trị, điều hành, quản lý Công ty mà HĐQT qua kiểm điểm đã chỉ ra.

- HĐQT sẽ tổ chức các phiên họp định kỳ để thảo luận, nắm bắt tình hình SXKD của Công ty. Thông qua đó sẽ có chủ trương, ý kiến chỉ đạo kịp thời trong điều hành.

- Ngoài ra HĐQT sẽ tổ chức các phiên họp bất thường (nếu có) để giải quyết và xử lý các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT cũng như những vấn đề đã được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền giải quyết.

- Cam kết khi bắt buộc phải thực hiện sẽ kiện toàn cơ cấu thành viên HĐQT đáp ứng điều kiện tối thiểu 1/3 số thành viên HĐQT là thành viên độc lập;

- Hoàn thiện lại chức năng nhiệm vụ cũng như số lượng thành viên Ban giám đốc trên cơ sở đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ của BGD và thực hiện tốt các nghị quyết của ĐHCĐ cũng như HĐQT.

- Hoàn thiện lại quy chế quản lý tài chính của công ty.

- Công tác điều hành và quản lý, công ty thường xuyên đánh giá định kỳ các nội dung cơ bản của hoạt động sản xuất kinh doanh, các biện pháp điều hành, tìm ra nguyên nhân các mục tiêu không đạt được, các vấn đề còn tồn tại, biện pháp giải quyết, xác định trách nhiệm của cá nhân đơn vị.

V. Quản trị công ty/Corporate governance (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)/*Non-listed organizations are not obliged to disclose the information in this Section*).

1. Hội đồng quản trị/ Board of Directors

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/Members and structure of the Board of Directors:

- Ông Phạm Văn Nghĩa Chức vụ Chủ tịch HĐQT - Giám đốc Công ty

Năm sinh: 1961 Trình độ: Cử nhân Kinh tế

Số cổ phần sở hữu: 364.350 cổ phần

- Ông Nguyễn Thanh Hùng: Chức vụ UV HĐQT - Phó Giám đốc

Năm sinh 1963 Trình độ Kỹ sư chế tạo máy – Kỹ sư quản trị kinh doanh

Số cổ phần sở hữu: 117.980 cổ phần

- Ông Nguyễn Cao Sơn : Chức vụ UV HĐQT - Phó Giám đốc

Năm sinh 1966 Trình độ Kỹ sư Điện hóa

- Số cổ phần sở hữu: 7.723 cổ phần
- Ông Võ Khánh Toàn : Chức vụ UV HĐQT - Phó Giám đốc
 Năm sinh 1973 Trình độ Cử nhân kinh tế
 Số cổ phần sở hữu: 16.800 cổ phần
- Ông Nguyễn Thanh Quang: Chức vụ UV HĐQT - Quản đốc PX Pin số 2
 Năm sinh 1965 Trình độ Kỹ sư Điện hóa
 Số cổ phần sở hữu: 11.463 cổ phần
 Thành viên không điều hành
- Bà Quek Guet Nghoh: Chức vụ UV HĐQT
 Năm sinh: 1961 Quốc tịch Singapore
 Thành viên không điều hành
- Ông Tsui Wing Fai: Chức vụ UV HĐQT
 Năm sinh: 1961 Quốc tịch Trung Quốc
 Thành viên độc lập, được bổ nhiệm từ tháng 10 năm 2019

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/*The committees of the Board of Director:*

Không

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors:*

Để thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, tính từ thời điểm sau Đại hội đồng cổ đông năm 2020, HĐQT Công ty đã tổ chức 11 phiên họp và xin báo cáo trước Đại hội những nội dung cơ bản sau:

Nội dung phiên họp lần 1: 22/07/2020

- Thông qua Báo cáo quyết toán tài chính quý I-2020
- Thông qua Quy định chức năng nhiệm vụ của Giám đốc trong việc nhận các đơn hàng sản xuất.
- Thông qua phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT
- Thông qua Tờ trình hạn mức tín dụng
- Xem xét phê duyệt kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2020 và kế hoạch 6 tháng cuối năm 2020.
- Các nội dung khác:
 - + Cập nhật nội dung mới của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng Khoán
 - + Sự cố chất lượng pin

- + Kế hoạch nhằm đáp ứng yêu cầu của các dự án pin xuất khẩu
- + Vấn đề đầu tư bổ sung

Nội dung phiên họp lần 2: 12/08/2020

- Xem xét đánh giá tình hình hoạt động SXKD 6 tháng đầu năm.
- Xem xét đánh giá chi phí và mục tiêu 6 tháng cuối năm.
- Xem xét điều chỉnh mức thu nhập cho người lao động.
- Thông qua báo cáo Ban Kiểm Soát quý 1-2020
- Xem xét thảo luận các chương trình kiểm toán phục vụ cho các dự án xuất khẩu.

Nội dung phiên họp lần 3: 20/08/2020

- Đánh giá và kết luận về báo cáo cũng như giải trình của giám đốc về kết quả 6 tháng đầu năm và kế hoạch 6 tháng cuối năm.
- Thảo luận về phương pháp xây dựng kế hoạch và phương pháp phân tích tình hình thực hiện

Nội dung phiên họp lần 4: 17/09/2020

- Thông qua và thống nhất quan điểm về việc liên quan đến thực hiện 2 luật mới có hiệu lực từ ngày 1/1/2021
- Thảo luận và thông qua báo cáo quý II và 6 tháng của BKS
- Thảo luận và thông qua đề nghị của giám đốc về tạm ứng cổ tức 2020
- Các nội dung liên quan đến tăng chi phí và đầu tư mới
- Kế hoạch sản xuất kinh doanh 6 tháng cuối năm và cả năm
- Về việc sản xuất và bán kèm đồng xu cho VNGP

Nội dung phiên họp lần 5: 30/10/2020

- Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh quý 3, 9 tháng. Xem xét phê duyệt điều chỉnh kế hoạch SXKD quý 4 và cả năm 2020
- Xem xét và phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

Nội dung phiên họp lần 6: 07/12/2020

- Kiểm điểm đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh tháng 10, 11 và dự kiến tháng 12
- Soát xét các biện pháp nhằm đảm bảo kế hoạch năm 2020
- Đánh giá công tác quản lý của giám đốc liên quan đến các vấn đề đã yêu cầu tại phiên họp 30/10/2020.



- Thông qua Báo cáo kiểm soát quý III của Ban kiểm soát. Giải quyết các kiến nghị của Ban kiểm soát
- Thảo luận vấn đề công nghệ pin không chì
- Báo cáo về dự án nâng mức chất lượng về an toàn thùng cháy, kéo dài hạn bảo quản Pin Con thỏ của BGD
- Yêu cầu cập nhật những nội dung mới của Luật Chứng Khoán và Luật Doanh Nghiệp 2021 liên quan đến nội dung quản trị doanh nghiệp.

Nội dung phiên họp lần 7: 28/12/2020

- Cập nhật dự án pin không chì, hệ thống quản lý ISO 14001, chứng nhận BSCI
- Xem xét các vấn đề tồn đọng năm 2020 và các năm trước.
- Các vấn đề liên quan đến quản trị doanh nghiệp theo 2 luật mới
- Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch SXKD tháng 12/2020
- Xem xét tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2020
- Các vấn đề khác

Nội dung phiên họp lần 8: 21/01/2021

- Báo cáo kết quả SXKD năm 2020 của giám đốc
- Xem xét thông qua các nội dung theo tờ trình của giám đốc
- Xem xét thông qua Báo cáo quản trị doanh nghiệp năm 2020
- Thảo luận về Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán có hiệu lực từ 01/01/2021

Nội dung phiên họp lần 9: 27/02/2021

- Căn cứ các luật DN, CK, các nghị định, thông tư mới có hiệu lực, cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp
- + Thảo luận và xem xét việc sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty
 - + Thảo luận và xem xét việc sửa đổi, bổ sung quy chế nội bộ quản trị công ty
 - + Thảo luận và xem xét việc sửa đổi, bổ sung quy chế hoạt động của HĐQT

Nội dung phiên họp lần 10: 11/03/2021

- Dự kiến ngày tổ chức ĐHĐCĐ năm 2021
- Thảo luận và phân công chuẩn bị các tài liệu chuẩn bị cho Đại hội đồng cổ đông năm 2021 .

Nội dung phiên họp lần 11: 26/03/2021

- Xem xét thông qua Kế hoạch SXKD điều chỉnh năm 2021 và các tờ trình trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/*Activities of independent members of the Board of Directors.*

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/

2. Ban Kiểm soát/ Board of Supervisors

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/*Members and structure of the Board of Supervisors:*

1- Bà Nguyễn Thị Thanh Hải Trưởng ban; Trình độ: Cử nhân chuyên ngành Tài Chính - Kế toán

Thành viên độc lập, không tham gia điều hành. Số cổ phần sở hữu: 34.965 CP

2- Ông Nguyễn Thanh Đức Ủy viên; Trình độ Kỹ sư Điện hóa

Chức vụ Trưởng Phòng KTCN-MT-KCS. Số cổ phần sở hữu: 8.303 CP

3- Ông Huỳnh Tín Đình Ủy viên;

Thành viên độc lập, không tham gia điều hành. Số cổ phần sở hữu: Không

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/*Activities of the Board of Supervisors:* (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp/).

Căn cứ vào điều 38 điều lệ Công ty, căn cứ vào quy chế hoạt động của ban kiểm soát.

Các thành viên BKS luôn thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, thường xuyên trao đổi, góp ý kiến về trường ban để tổng hợp.

Hoạt động của Ban kiểm soát mỗi quý tổ chức họp một lần nhằm đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, chấp hành các quy định về pháp luật, Điều lệ Công ty và công tác điều hành của HĐQT đã phân công nhiệm vụ cho từng thành viên.

Tổ chức phiên họp cuối năm nhằm tổng kết phân tích, đánh giá toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác điều hành trong năm, kết quả kiểm tra, kiểm soát được gửi biên bản thông báo đến HĐQT, Ban Điều hành theo quy định.

Tham gia đầy đủ các phiên họp HĐQT và trực tiếp đóng góp ý kiến.

Ban kiểm soát hoạt động độc lập và luôn phối hợp với HĐQT, Ban điều hành, các phòng ban nghiệp vụ để thực hiện nhiệm vụ được giao.

Ban kiểm soát luôn được Công ty cung cấp thông tin, tài liệu chính xác, kịp thời để phục vụ việc kiểm tra, kiểm soát.

Căn cứ quyền hạn, nhiệm vụ của Ban kiểm soát quy định trong Điều lệ Công ty, ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính của Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, giám đốc và người quản lý khác.

Chịu trách nhiệm trước cổ đông về sự giám sát của mình.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/*Salary, rewards, remuneration and benefits:*

Báo cáo về thu nhập của các UVHĐQT; BKS năm 2020:

- Quy chế tiền lương năm 2020
 - Phụ cấp HĐQT và BKS theo QĐ số 146/HĐQT-PHN năm 2017
- Theo đó:



- Tiền lương: Các thành HĐQT và BKS không hưởng lương chuyên trách mà chỉ hưởng lương theo cương vị, chức vụ trong điều hành và quản lý tại Công ty.

Mức lương tháng hiện hành:

<i>Chức danh</i>	<i>Lương cơ bản</i>	<i>Thưởng</i>	<i>Cơ công nghiệp</i>	<i>Tổng</i>
Giám đốc	17,349,320	21,426,410	520.000	39,295,730
Phó giám đốc	13,869,980	17,129,425	520.000	31,519,405
Trưởng phòng – Quản đốc	10,678,720	9,771,029	520.000	20,969,749

Ghi chú: Mức lương trên có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2020

- Phụ cấp HĐQT và BKS:

Chủ tịch HĐQT:	5.000.000/tháng
Ủy viên HĐQT:	3.000.000/tháng
Trưởng ban Kiểm soát:	3.000.000/tháng
Ủy viên Ban Kiểm soát:	2.000.000/tháng
Thư ký Công ty	2.000.000/tháng

- Ngoài ra đối với các UV HĐQT; Thành viên Ban Kiểm soát không trực tiếp điều hành và quản lý còn được hưởng thù lao: 1.000.000đ/ngày làm việc khi tham dự các phiên họp do HĐQT triệu tập.

Tình hình thu nhập thực tế của các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2020:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức danh</i>	<i>Tiền lương + thưởng</i>	<i>Phụ cấp</i>	<i>Thù lao</i>	<i>Tổng cộng</i>
Phạm Văn Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	256.715.812	60.000.000		316.715.812
Nguyễn Thanh Hùng	UV HĐQT – Giám đốc	503.111.994	36.000.000		539.111.994
Nguyễn Cao Sơn	UV HĐQT – PGĐ	394.443.113	36.000.000		430.443.113
Võ Khánh Toàn	UV HĐQT – PGĐ	400.352.054	36.000.000		436.352.054
Nguyễn Thanh Quang	UV HĐQT – Quản đốc PX Pin số 2	271.271.202	36.000.000		307.271.202
Quek Guet Nghoh	UV HĐQT		36.000.000		36.000.000
Tsui Wing Fai	UV HĐQT		36.000.000		36.000.000
Nguyễn Thị Thanh Hải	Trưởng Ban Kiểm soát		36.000.000	82.222.000	118.222.000
Huỳnh Tín Đình	UV Ban Kiểm soát		24.000.000		24.000.000

Nguyễn Thanh Đức	UV Ban Kiểm soát	270.086.868	24.000.000		294.086.868
Nguyễn Huy Vũ	Thư ký HĐQT	195.980.281	24.000.000		219.980.281

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ/ *Transactions of internal shareholders*: **Không**

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ/ *Contracts or transactions with internal shareholders*: **Không có**

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/ *Implementation of regulations on corporate governance*

VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Pin Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. *Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements* (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên/*Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance to the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and the addresses where the financial statements of the parent company or the general Financial Statements or the financial statements of superior accounting units to be published and provided*).

Nơi nhận:

- Công bố thông tin
- HĐQT, Ban Kiểm soát
- Lưu HC, Thư ký Công ty

T/M Hội đồng quản trị
Chủ tịch

CÔNG TY
CỔ PHẦN
PIN HÀ NỘI

Phạm Văn Nghĩa



